

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC TRỌNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Ông Nguyễn Huy Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị V, sinh năm 1977.

Trú tại: Số 1L, tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Trú tại: Số 1L, tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị V trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 25/4/2002. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trong 02 năm. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên

phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng ông T không có sự chia sẻ trong xây dựng hạnh phúc gia đình và không có trách nhiệm phụ giúp nuôi con; ngoài ra ông còn nhiều lần xúc phạm nặng nề và đánh đập bà trước mặt các con dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được, giữa vợ chồng không còn sự tôn trọng tin tưởng nhau. Vợ chồng đã được chính quyền nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải nhưng ông T không có sự thay đổi ngày càng thiếu trách nhiệm đối với con cái, gia đình nên cuộc sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân trong 03 năm qua không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Trong thời gian bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T vẫn không có thiện chí hòa giải, không đến Tòa án làm việc và tùy tiện đi về nhà mà gia đình không biết ông T đi đâu và làm gì thể hiện sự thiếu trách nhiệm đối với gia đình và không có ý thức để hoàn thiện cuộc sống mà ngày càng tái phạm lỗi sai hơn. Nay bà Vũ Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi các con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà Vũ Thị V kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bị mất việc, thu nhập không đều nên kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi vã. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị V thì ông không đồng ý vì vợ chồng phải cùng nhau cố gắng làm ăn, chăm lo cho con cái.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi các con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu và Vũ Thị V cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

vắng mặt ông T và thông báo kết quả phiên họp cho ông T được biết. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

*Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014 cho bà Vũ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên. Bà Vũ Thị V không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xác định đây là vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn bà Vũ Thị V và bị đơn ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2007. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do bị đơn không có sự chia sẻ khó khăn trong xây dựng hạnh phúc gia đình và không có trách nhiệm đối với gia đình; ngoài ra còn nhiều lần xúc phạm, đánh đập vợ trước mặt các con dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được, giữa vợ chồng không còn sự tôn trọng tin tưởng nhau; vợ chồng đã tự chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2016 cho đến nay không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với

nhau; bị đơn không có thiện chí hòa giải thường xuyên gây áp lực nặng nề, tạo không khí gia đình căng thẳng nên cuộc sống chung không hòa hợp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bị đơn trình bày do ông bị mất việc làm thu nhập không đều dẫn nên kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi vã. Xét thấy hôn nhân giữa bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn T mâu thuẫn trầm trọng; đời sống chung đã chấm dứt, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị V được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Hiện nay bà Vũ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đảm bảo điều kiện phát triển bình thường của các con chung, cháu Nguyễn Vũ TA có nguyện vọng được ở với bà V. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi thành niên. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn được ở với bà V cần giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014 cho đến khi các con chung thành niên.

Bà Vũ Thị V không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 51; 56; 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn T.

## 2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Vũ BA, sinh ngày 26/12/2014 cho bà Vũ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

## 3. Về án phí:

Buộc bà Vũ Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/0006381 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Vũ Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND TT. L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Hạnh**